

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/12/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	17	0		19	0	
2		CTK3+P2+CNV	7:25	22+0+0	0+0+0		0+5+17	0+0+0	NGUOI NHA PPD MAT
3		TD3+CI+BK20	7:25	18+2+0	0+0+0		13+3+4	0+0+0	
4		TD5+BK16+CTK3	9:25	2+7+12	0+0+0		3+5+14	0+0+0	
5		CTK3+GTCl+P1	9:25	17+5+0	0+0+0		13+5+4	0+0+0	CHUYEN 2 GTCl-P1
6		RP1+RC4+TD5	11:25	2+9+11	0+0+0		2+8+12	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD2	CREW: Dũng - ATUÂN	ETA: 10:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD2	71	1	7		70	PVD	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HIẾU	TD2	67	1	7		70	PVD	Vietnamese
3	VÕ TUÂN MẠNH	TD2	68	1	5		65	PVD	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THỊ	TD2					72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN QUANG HÒA	TD2	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	KIỀU XUÂN TÂM	TD2					72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO DUY TỬ	TD2	72	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN TRỌNG	TD2	59	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD2	61	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
10	VU DUY DŨNG	TD2	58	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HẢI	TD2	56	1			75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ HỒNG QUANG	TD2	60	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	TD2	66	1	14		73	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN HIỆP THANH	TD2	57	1	8		85	CODIEN	Vietnamese
15	PHẠM HOÀNG	TD2	64-65	2	9	23	63	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD2	73	1	10		72	DVL	Vietnamese
17	PHẠM HÙNG SƠN	TD2	62	1	4		60	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

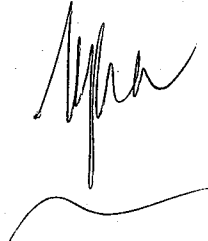
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	17	16	92	1.180	23	19		
	TOTAL	17	16	92	1.180	23	19		
	WEIGHT KG			92	1.180	23			

GRAND TOAL: 1.295 KGS

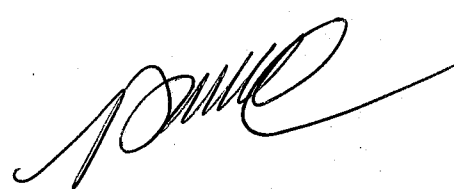
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:45
FLIGHT: 03	TO: BK3 - TD3	CREW: Hôi - CHIẾN - DTùng	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ DUY KHƯƠNG	BK3	04	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN PHUOC	BK3	02-03	2	7		71	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ NGỌC THĂNG	BK3	01	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH PHONG	BK3	07	1	9	40	80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG THE VINH	BK3	10	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ BA HOA	BK3	06	1	18		76	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ DINH THUẬN	BK3	08-09	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC TUAN	BK3	05	1	7		74	PSV	Vietnamese
9	FILIPPOV NIKOLAY	TD3					75	KHOAN	Russian
10	LUU QUYET THANG*TT	TD3					69	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN HOANG LAM	TD3	05	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG HUY LONG	TD3	09	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	07	1	6		83	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG DINH ĐỊNH	TD3	13	1	5	50	60	KHOAN	Vietnamese
15	NG. VAN MẠNH*CAM-PVDT	TD3	14	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
16	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	12	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG NGOC NGHIA	TD3	08	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN TRUC TUYEN	TD3	11	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DUC THANG	TD3	110	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ TIEN LUC	TD3	06	1	15		65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN HUNG QUAN	TD3	04	1	10		65	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	8	10	84	571	40	5		
2	TD3	13	11	72	880	50	16		
TOTAL		21	21	156	1.451	90	21		
WEIGHT KG				156	1.451	90			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:32
FLIGHT: 2	TO: CTK3 - P2 - CNV	CREW: Hồi - Mạnh - Toàn	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOGDANOV	CTK3	79	1	6		78	KH-THAC	Russian
2	TRINH QUOC HUY	CTK3	87	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TIEN DUNG	CTK3	86	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN DU	CTK3	75	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	77	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	67	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA HUE	CTK3	78	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LE THANH CHUNG	CTK3	80	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN HE	CTK3	72	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN KHUONG	CTK3	88	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	DAM VAN THANH	CTK3	81	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MINH KHOI	CTK3	97	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN SON HA	CTK3	85	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI HUU HUAN	CTK3	73-74	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
15	LE CANH HUNG	CTK3	69	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN QUOC KHIEM	CTK3	70	1	5	25	80	KH-THAC	Vietnamese
17	VU TRUNG KIEN	CTK3	65-66	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM TU ANH	CTK3	76	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH HAI	CTK3	71	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
20	LE MINH DUC	CTK3	98	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	82	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MUOI	CTK3	68	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	24	130	1.517	25	15		
2	P2	0	0	0	0	0	1		
3	CNV	0	0	0	0	25	6		
TOTAL		22	24	130	1.517	50	22		
WEIGHT KG				130	1.517	50			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: TD3 - CLI - BK20	CREW: Nam - XTrường - MQUÂN	ETA: 09:15
VANG-1			

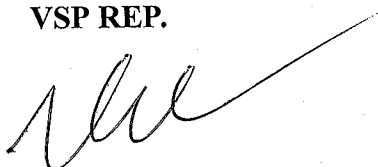
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GUSHEYNOV M.A	TD3	31,63	2	12		78	KHOAN	Russian
2	ASKAROV D.I	TD3	32	1	12		82	KHOAN	Russian
3	BUI HUU VUNG	TD3	45	1	7		89	KHOAN	Vietnamese
4	ĐOÀN QUANG BÁC	TD3	48	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN KIEM	TD3	53-54	2	8		70	KHOAN	Vietnamese
6	CHU VAN THANG	TD3	47	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ THANH HAI	TD3	46	1	3	15	87	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ ANH XUAN	TD3	33	1	11		69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	44	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN PHI HUNG	TD3	55	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ THẾ HUNG	TD3	34	1	12		58	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH TIẾN	TD3	35	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THẾ DUNG	TD3	43	1	10		59	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT TRUNG	TD3	36	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					76	KHOAN	Vietnamese
16	TRINH TIEN DUNG	TD3	37-38	2	15		83	SCHLUMB	Vietnamese
17	DONG KY ANH	TD3	39-40	2	15		73	SCHLUMB	Vietnamese
18	NGUYEN DUY MINH	TD3	41-42	2	15		98	SCHLUMB	Vietnamese
19	LƯƠNG ANH VŨ	CLI	16	1	7	140	67	CODIEN	Vietnamese
20	LAM NHỰT MINH	CLI	17	1	15	15	62	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	18	22	168	1.391	15	13		
2	CLI	2	2	22	129	155	3		
3	BK20	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	24	190	1.520	170	20		
WEIGHT KG				190	1.520	170			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

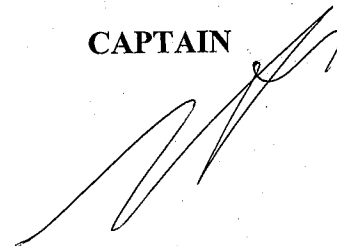
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	TO: TD5 - BK16 - CTK3	CREW: Nam - XTrường - MQUÂN	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHUSH M.V	TD5	01	1	20		107	KHOAN	Russian
2	LÊ THANH LAM	TD5					69	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH DUY THANH	TD5	09	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY TAM	TD5	03	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TAN VINH	TD5	06-07	2	10	70	87	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THANH	TD5	02	1	11		63	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH ANH TRUONG	TD5	05	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN BINH	TD5	04	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
9	NG ANH HUNG*PK-PVD	TD5	10	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEN	TD5	08	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
11	NG NGOC CUONG*TN-PVD	TD5	11-12	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM TIEN TRUNG	TD5	25	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
13	BACH ANH TUAN	BK16	39	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN HUNG	BK16					80	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ MINH THANG	BK16	40	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LUU ĐỨC TUAN	BK16	38	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN THANH	BK16	42	1	5	80	87	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN CONG PHU	BK16	41	1	8		78	CODIEN	Vietnamese
19	PHAN XUAN HOA	BK16					70	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	52	1	12	40	87	KH-THAC	Vietnamese
22	LUU VIET DUNG	CTK3	53	1	5		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	12	13	79	869	70	12		
2	BK16	7	5	26	535	80	5		
3	CTK3	3	2	17	245	40	5		
TOTAL		22	20	122	1.649	190	22		
WEIGHT KG				122	1.649	190			

GRAND TOAL: 1.961 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: CTK3 - GTC1 - P1	CREW: Hồi - Mạnh - Toan	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG THANH HOA	CTK3	28	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TU THANG	CTK3	98	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TU ANH	CTK3	09	1	9	40	68	CODIEN	Vietnamese
4	ĐINH MAI THIEN	CTK3	91	1	9		74	CODIEN	Vietnamese
5	CAO XUAN DUNG	CTK3	12	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG PHONG	CTK3	99	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
7	LUU CONG THI	CTK3	27	1	12		63	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN THE DU	CTK3	10	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
9	PHAN NGOC AN	CTK3	85	1	5		72	CODIEN	Vietnamese
10	TRAN MANH CUONG	CTK3	86-87	2	8		68	CODIEN	Vietnamese
11	LE BA TU	CTK3	92	1	7		67	CODIEN	Vietnamese
12	TRAN SON TUNG	CTK3	93	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
13	VU MANH DIEP	CTK3	94	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
14	LE MANH HUNG	CTK3	400	1	11		75	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYEN MANH TIEN	CTK3	08	1	5		57	PSV	Vietnamese
16	VU NGOC NAM	CTK3	90	1	5		80	PSV	Vietnamese
17	TRAN VAN CAN	CTK3	11	1	4		70	PSV	Vietnamese
18	SOKOLIUK	GTC1	08	1	10		82	KH-THAC	Russian
19	NGUYEN HUU TAN	GTC1	11	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HONG MINH	GTC1	09,13	2	18	55	90	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN BAC	GTC1	12	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGO TRUNG LUYEN	GTC1	10	1	4		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	17	18	133	1.165	40	13		CHUYEN 2 PAX GTC1 SANG P1
2	GTC1	5	6	49	377	55	5 + 2		
3	P1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	24	182	1.542	95	22		
WEIGHT KG				182	1.542	95			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 6	TO: RP1 - RC4 - TD5	CREW: Hạnh - D Nam - DTùng	ETA: 13:30
VANG-3			

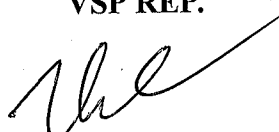
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHÙNG ĐẠI DƯƠNG	RP1	98-99	2	14		73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP1	97	1	7	15	95	PSV	Vietnamese
3	LUU VĂN HAI	RC4	69-70	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN HÙNG LONG	RC4	32-33	2	17		58	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	RC4	72	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN HOÀ	RC4	71	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC TUẤN	RC4	30-31	2	18		83	XAYLAP	Vietnamese
8	NINH VĂN SƠN	RC4	13-14	2	12	12	70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC QUANG	RC4	57	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HOÀN	RC4	10	1	10	13	76	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ XUÂN HIỀN	RC4	01	1	11		62	XAYLAP	Vietnamese
12	MAI ĐẠI HAI	TD5	17	1	12	13	67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THẾ TRÁ	TD5	19-20	2	18		68	SCHLUMB	Vietnamese
14	KIỀU TUẤN ANH	TD5	28	1	9		70	CỤC ĐKVI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN SƠN	TD5	26-27	2	18		58	C.TY DUY	Vietnamese
16	DANG TRONG DUONG	TD5	32	1	10		66	C.TY DUY	Vietnamese
17	DANG TRONG DONG	TD5	31	1	9		77	C.TY DUY	Vietnamese
18	NGÔ VĂN TRIỆU	TD5	24-25	2	13		70	C.TY DUY	Vietnamese
19	VŨ QUANG	TD5	29-30	2	17		72	D-HANH	Vietnamese
20	LÊ TRUNG SƠN	TD5	22	1	7		72	D-HANH	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD5	23	1	9		65	DVL	Vietnamese
22	LY XUÂN TRUNG	TD5	21	1	7		68	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

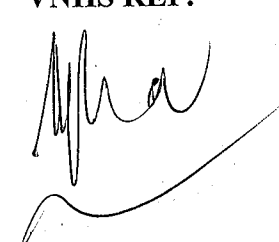
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	2	3	21	168	15	2		
2	RC4	9	13	126	609	25	8		
3	TD5	11	15	129	753	13	10		
TOTAL		22	31	276	1.530	53	20		
WEIGHT KG				276	1.530	53			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

